TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2026
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 – ĐẮK LẮK, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Liên và ông Lương Tấn Nghị
Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang– Thư ký TAND khu vực 13 – Đắk Lắk.
Đại diện VKSND khu vực 13 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 240/2025/TLST- HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2025, về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2026/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03/2026/QĐ-HPT ngày 27 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Phạm Thị H**, sinh năm 1989; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn T, xã Ô L, tỉnh Đắk Lắk.
Bị đơn: **Nguyễn Trương P**, sinh năm 1985; Vắng mặt.
Địa chỉ: Thôn P, xã H, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Phạm Thị H trình bày: Bà Phạm Thị H và ông Nguyễn Trương P tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ Đông (cũ) vào ngày 09/6/2016. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông P không lo làm ăn, ăn chơi, không quan tâm và chăm lo vợ con. Mặc dù hai bên gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông P tính nào tật nấy, không thay đổi. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 6/2024

cho đến nay, không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống, không cùng chí hướng xây dựng hạnh phúc gia đình. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không tồn tại nên bà H yêu cầu được ly hôn với ông P.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Thanh T, sinh ngày 28/8/2016 và Nguyễn Phạm Tú U, sinh ngày 23/01/2021. Lâu nay, con chung do bà H trực tiếp nuôi dưỡng, khi ly hôn bà H yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi 02 con chung Tuyền và Uyên. Hiện nay bà H làm nghề buôn bán thu nhập ổn định bình quân mỗi tháng khoảng 5.000.000đ đủ khả năng nuôi 02 con nên không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi 02 con chung.

Về tài sản: Bà H không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Trương P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn đã tuân thủ và thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng. Bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn, vì mâu thuẫn đã trầm trọng và kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Phạm Thanh T, sinh ngày 28/8/2016 và Nguyễn Phạm Tú U, sinh ngày 23/01/2021 cho nguyên đơn Hương trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét. Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xét. Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Các đương sự tranh chấp về ly hôn, là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và bị đơn có nơi cư trú hiện nay tại: Thôn Phú Nhiêu, xã Hòa Mỹ, tỉnh Đắk Lắk, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 13 – Đắk Lắk.

[1.2] Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án, nên Hội đồng xét xử xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 BLTTDS.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn Phạm Thị H và bị đơn Nguyễn Trương P tự nguyện tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ Đông (cũ) vào ngày 09/6/2016 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau và sống ly thân từ tháng 6/2024 cho đến nay, không ai quan tâm ai, mạnh ai nấy sống. Mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đúng như xác nhận của Ủy ban nhân dân xã Hòa Mỹ tại biên bản xác minh ngày 06/01/2026.

Như vậy, đủ cơ sở xác định, mâu thuẫn giữa bà H và ông P đã trầm trọng, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị H như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

[2.2] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Phạm Thanh T, sinh ngày 28/8/2016 và Nguyễn Phạm Tú U, sinh ngày 23/01/2021, hiện do nguyên đơn đang nuôi dưỡng. Xét thấy, cháu Uyên và cháu Tuyền lâu nay do nguyên đơn nuôi dưỡng, cháu Uyên còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ, cháu Tuyền có nguyện vọng được ở với mẹ. Để tạo điều kiện cho hai cháu Tuyền và cháu Uyên phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao hai cháu Tuyền và cháu Uyên cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu nên không xét.

[2.4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn Phạm Thị H phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 BLTTDS;

Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị H.

1. Về hôn nhân: Nguyên đơn Phạm Thị H được ly hôn với bị đơn Nguyễn Trương P.

2. Về con chung: Giao 02 con chung tên Nguyễn Phạm Thanh T, sinh ngày 28/8/2016 và Nguyễn Phạm Tú U, sinh ngày 23/01/2021 cho nguyên đơn Phạm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Bị đơn Nguyễn Trương P không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Nguyên đơn Phạm Thị H phải chịu 300.000đ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005609 ngày 15/12/2025 của Thi hành án dân sự khu vực 13 – Đắk Lắk.

4. Về kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án sơ thẩm hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- THADS khu vực 13 – Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 13 – Đắk Lắk;
- UBND xã Hòa Mỹ;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Nguyễn Thị Kim Thúy